

VALUES APPROACHED FROM HO CHI MINH'S EDUCATIONAL PHILOSOPHY FOR THE INNOVATION IN VIET NAM'S EDUCATION AND TRAINING NOWADAYS

Duong Thi Huong^{1*}, Le Thi Kim Quyen²

¹TNU - University of Economics and Business Administration

²Kien Giang Provincial Political School

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	10/7/2024	Ho Chi Minh's educational philosophy plays an important role, becoming the foundation for building educational guidelines and policies of our Party and country, serving as a "guideline" to orient Vietnam's education innovation nowadays. By using the dialectical materialism method and the methods of abstraction, analysis, synthesis, historical logic, induction and deduction, the article clarifies the values of Ho Chi Minh's educational philosophy for the education and training innovation in Vietnam today. The article has systematically researched the content of Ho Chi Minh's educational philosophy, researched and analyzed the current state of education and training in Vietnam, and clarified some values from Ho Chi Minh's educational philosophy for the fundamental and comprehensive innovation of education and training in Vietnam today.
Revised:	26/9/2024	
Published:	26/9/2024	
KEYWORDS		
Philosophy		
Educational philosophy		
Ho Chi Minh's educational philosophy		
Ho Chi Minh		
Education and training innovation		

NHỮNG GIÁ TRỊ TIẾP CẬN TỪ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Dương Thị Hương^{1*}, Lê Thị Kim Quyên²

¹Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên

²Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	10/7/2024	Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng trở thành nền tảng xây dựng đường lối, chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ta, có vai trò là "kim chỉ nam" định hướng hướng sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Bằng phương pháp luận biện chứng duy vật và các phương pháp: trừu tượng hóa, phân tích và tổng hợp, logic - lịch sử, quy nạp và diễn dịch, bài viết đã làm rõ những giá trị triết lý giáo dục Hồ Chí Minh đối với đổi mới giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay. Bài viết đã nghiên cứu có hệ thống nội dung triết lý giáo dục Hồ Chí Minh, nghiên cứu, phân tích thực trạng giáo dục và đào tạo Việt Nam, đồng thời làm sáng tỏ một số giá trị từ triết lý giáo dục Hồ Chí Minh đối với đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay.
Ngày hoàn thiện:	26/9/2024	
Ngày đăng:	26/9/2024	
TỪ KHÓA		
Triết lý		
Triết lý giáo dục		
Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh		
Hồ Chí Minh		
Đổi mới giáo dục và đào tạo		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10741>

* Corresponding author. Email: dthuong@tueba.edu.vn

1. Mở đầu

Triết lí giáo dục nói chung và triết lí giáo dục Hồ Chí Minh đã và đang được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, trong đó tiêu biểu có các công trình sau: cuốn “Triết học giáo dục Việt Nam” [1]; “Triết lí giáo dục thế giới và Việt Nam” [2]; “Triết lí giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” [3], “Triết lí giáo dục thế giới và Việt Nam” [4], “Đôi điều suy nghĩ về triết lí và đổi mới tư duy giáo dục trong thời kỳ đổi mới” [5], “Triết lí giáo dục của Karl Jaspers” [6]; “Triết lí giáo dục và vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam” [7],... Các tác giả đã khái lược và làm rõ triết lí giáo dục ở một số nước, triết lí giáo dục Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử của dân tộc, đặc biệt là triết lí giáo dục Hồ Chí Minh, triết lí giáo dục sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, triết lí giáo dục thời kỳ đổi mới và vấn đề đặt ra để bổ sung, hoàn thiện triết lí giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế nhằm chấn hưng nền giáo dục nước nhà.

Một số công trình trực tiếp bàn về triết lí giáo dục Hồ Chí Minh như: “Kiên trì thực hiện triết lí giáo dục Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh” [8], “Triết lí phát triển giáo dục Hồ Chí Minh” [9], “Triết lí giáo dục Hồ Chí Minh” [10]... Các tác giả đã khẳng định triết lí giáo dục Hồ Chí Minh đã và đang là kim chỉ nam cho nền giáo dục của Việt Nam, đồng thời phân tích những nội dung cơ bản trong triết lí giáo dục của Hồ Chí Minh.

Trong bài viết, nhóm tác giả nghiên cứu có hệ thống nội dung triết lí giáo dục Hồ Chí Minh, từ đó phân tích và làm rõ một số giá trị từ cách tiếp cận triết lí giáo dục Hồ Chí Minh đối với đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu bao gồm: phương pháp luận biện chứng duy vật, phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phân tích và tổng hợp nhằm hệ thống hoá nội dung triết lí giáo dục Hồ Chí Minh và sử dụng các phương pháp lôgic - lịch sử; quy nạp và diễn dịch nhằm làm rõ thực trạng đổi mới giáo dục ở Việt Nam và những giá trị tiếp cận từ nghiên cứu triết lí giáo dục Hồ Chí Minh đối với đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

3. Nội dung

3.1. Khái niệm triết lí và triết lí giáo dục

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, triết lí được hiểu là “lí luận triết học; là quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội; thuyết lí về những vấn đề nhân sinh và xã hội” [11, tr.1035]. Theo tác giả Hồ Sĩ Quý “về đại thể, Triết lí có thể và nên được hiểu là những tư tưởng, quan điểm hay quan niệm,... mang tính khái quát cao, được phản ánh một cách cô đúc dưới dạng các mệnh đề hoặc các phán đoán thường là trau chuốt về mặt ngôn ngữ; và được sử dụng trong đời sống xã hội với tính cách là những định hướng cho hoạt động của con người về mặt thế giới quan, phương pháp luận hoặc nhân sinh quan” [12, tr.57]. Như vậy, triết lí là lí luận có tính triết học, được hiểu là những tư tưởng, quan điểm hạt nhân hình thành thế giới quan, nhân sinh quan trở thành cơ sở lý luận nền tảng chi phối các mối quan hệ trong đời sống xã hội, có vai trò chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Chúng ta có thể hiểu, *triết lí giáo dục là những quan điểm, tư tưởng có ý nghĩa là cơ sở lý luận nền tảng, có vai trò chỉ đạo, định hướng hoạt động giáo dục về vị trí, vai trò, mục tiêu của giáo dục, đường lối chính sách phát triển giáo dục, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên (GV)...*

3.2. Nội dung triết lí giáo dục Hồ Chí Minh

Triết lí giáo dục Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo triết lí giáo dục của nhân loại, chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện Việt Nam, đồng thời là sự kế thừa và tiếp nối truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, là sản phẩm của sự tổng kết kinh nghiệm giáo dục của thực tiễn trong lịch sử, là sản phẩm của một nhân cách và trí tuệ vĩ đại Hồ Chí Minh. Trong bài viết

này, tác giả tập trung nghiên cứu triết lý giáo dục Hồ Chí Minh về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và xây dựng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhà giáo.

3.2.1. Về mục tiêu của giáo dục

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục tiêu của giáo dục là phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, phẩm chất và năng lực cho người học để tạo ra những công dân có ích góp phần xây dựng đất nước. Với mục tiêu này giáo dục sẽ tạo ra cho đất nước nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và phát triển.

Hồ Chí Minh khẳng định: nền giáo dục mới có mục tiêu đào tạo những người chủ tương lai của đất nước. Giáo dục do đó phải đào tạo ra lớp người biết hành động vì lợi ích dân tộc. Người khẳng định: mục tiêu cốt lõi của nền giáo dục mới là “vì con người”, giúp con người phát triển toàn diện để hoàn thiện bản thân, góp phần xây dựng cơ đồ của tổ tiên đã để lại “làm sao cho chúng ta theo kịp các nước trên toàn cầu” [13, tr.41]. Vì thế, Người đã khẳng định: Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai tốt của nước nhà, dạy và học để phục vụ Tổ quốc, nhân dân.

Mục tiêu các cấp, bậc học khác nhau, Người chỉ rõ: “Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà. Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế. Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công”... [14, tr.80].

Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh mục tiêu giáo dục là phát triển toàn diện về phẩm chất đạo đức, trí tuệ và những năng lực sẵn có của người học phù hợp ở các cấp học khác nhau đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

3.2.2. Về nội dung chương trình giáo dục đảm bảo phát triển toàn diện: Đức, trí, thể, mỹ

Thứ nhất, giáo dục đạo đức cho người học bao gồm: giáo dục tinh thần yêu nước, tư tưởng, đạo đức lối sống, yêu lao động; *thứ hai*, nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị cho người học; *thứ ba*, giáo dục sức khỏe và mỹ dục cho người học. Với quan niệm giáo dục có tính toàn diện Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn nhủ học sinh trong *Thư gửi các em học sinh nhân ngày khai trường (24/10/1955)*, Người viết: “-*Thể dục*: để làm thân thể mạnh khỏe, đồng thời cần giữ vệ sinh riêng và vệ sinh chung; *Trí dục*: ôn lại những điều đã học, học thêm những tri thức mới; *Mỹ dục*: để phân biệt cái gì là đẹp, cái gì là không đẹp; *Đức dục*: Là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu trọng của công” [14, tr.74]. Theo Người giáo dục không chỉ trang bị, truyền đạt tri thức, mà nền giáo dục mới cần lấy giáo dục đạo đức làm gốc. “Trong giáo dục không những phải có tri thức phổ thông mà phải có đạo đức cách mạng. Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nước. Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp ích được gì” [14, tr.184].

Như vậy, về nội dung, chương trình giáo dục Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu cần đảm bảo xây dựng, phát triển một nền giáo dục mới với nội dung giáo dục toàn diện đức – trí – thể – mỹ, đồng thời phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có ở người học.

3.2.3. Về phương pháp giáo dục

Một là, học đi đôi với hành, lý luận thống nhất với thực tiễn, phát huy năng lực tư duy sáng tạo, năng lực thích nghi trong hoạt động thực tiễn cho người học. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Học phải suy nghĩ, học phải liên hệ với thực tế, phải có thí nghiệm và thực hành. Học với hành phải kết hợp với nhau” [15, tr.333]. Người viết: “nhà trường phải gắn liền với thực tế của nước nhà, với đời sống của nhân dân” [14, tr.80]. Người yêu cầu phương pháp giảng dạy phải: “Cốt thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều” và “Phải gắn liền lý luận với công tác thực tế” đạt tới mục đích “cải tạo tư tưởng” và “nhằm đúng nhu cầu” của xã hội.

Hai là, phương pháp dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm, phải căn cứ vào từng đối tượng, trong giảng dạy, xem nhu cầu của công việc mà họ đảm nhận, năng lực của họ đang yếu và thiếu cái gì để trang bị những tri thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết để người học làm việc được ngay.

Như vậy, phương pháp dạy học Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cần lấy người học làm trung tâm, gắn lý luận với thực tiễn, chú trọng năng lực thực hành phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội.

3.2.4. Về vị trí, vai trò, năng lực phẩm chất và xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo

**Về vị trí, vai trò của nhà giáo*, trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục nhà giáo có vị trí, vai trò quan trọng, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: thầy cô là người quyết định phần lớn sự thành công của giáo dục và sự phát triển của đất nước. Người khẳng định: “Không có thầy giáo thì không có giáo dục” [16, tr.345]; “Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được” [17, tr.403]. Vì thế, sự nghiệp của người thầy giáo là một vinh quang, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh. Đây là một điều vẻ vang” [17, tr.403].

**Về phẩm chất và năng lực của nhà giáo*

Một là, về phẩm chất chính trị. Người thầy phải giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, có tinh thần yêu nước và sự sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Người thầy giáo là tấm gương tiêu biểu cho phẩm chất đạo đức cách mạng: trung với nước, hiếu với dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và tinh thần quốc tế trong sáng.

Hai là, người thầy giáo phải có lương tâm nghề nghiệp, yêu người, yêu nghề và mô phạm về mọi mặt. Lương tâm nghề nghiệp của người thầy là sự thể hiện bằng tình thương yêu con người, hết lòng vì học sinh thân yêu, tận tâm dạy bảo học sinh; gắn bó với nghề nghiệp, luôn luôn say mê sáng tạo trong dạy học. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, người thầy giáo phải là hình mẫu mô phạm về mọi mặt.

Ba là, người thầy phải là người có trí tuệ và tài năng, song phải lấy đức làm gốc và phải thuần thực về phương pháp, có phương pháp giảng dạy phù hợp. Theo Hồ Chí Minh người thầy giáo trước hết phải giỏi về chuyên môn, lĩnh vực mà mình đảm nhận. Ngoài kiến thức chuyên môn, người thầy giáo phải có những kiến thức liên ngành, kiến thức thực tiễn rộng để hỗ trợ cho chuyên ngành đảm nhận. Cùng với kiến thức chuyên môn, liên ngành, kiến thức thực tiễn, người thầy cũng cần phải có lý luận về giáo dục, kiến thức lý luận Mác - Lênin và phải nắm chắc quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng.

Bốn là, người thầy giáo phải luôn nỗ lực học tập, rèn luyện là đại diện cho tấm gương tự học và sáng tạo. Người yêu cầu: Các cô, các chú là những thầy giáo, những cán bộ giáo dục đều phải luôn luôn cố gắng học thêm, học chính trị, học chuyên môn. Nếu không tiến bộ mãi thì sẽ không theo kịp đà tiến chung, sẽ trở thành lạc hậu.

**Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo*, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng đội ngũ nhà giáo cần đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng; xây dựng đội ngũ nhà giáo phải vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là chính trị tư tưởng, tài là văn hóa, chuyên môn, phương pháp, chính trị phải là nền tảng, xây dựng đội ngũ nhà giáo đảm bảo tính kế thừa giữa các thế hệ và xây dựng đội ngũ nhà giáo có cơ cấu hợp lý về ngành nghề, giới tính, dân tộc. Nội dung của công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo cần tập trung làm tốt các nhiệm vụ về bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu giáo dục đối với sự phát triển của đất nước. Song song với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của nhà giáo, các nhà trường cũng cần xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, lành mạnh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Do đó, cần xây dựng các trường sư phạm thành một môi trường giáo dục kiểu mẫu; Lựa chọn, sử dụng đội ngũ nhà giáo hợp lý. Đặc biệt, cần quan tâm và chăm lo mọi mặt cho nhà giáo, Người cũng căn dặn: “Các

ngành, các cấp Đảng và chính quyền địa phương phải thực sự quan tâm hơn nữa, phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt” [17, tr.508].

Trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người thầy giáo có vai trò quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của người học, sự phát triển của giáo dục và đào tạo và sự hưng thịnh của một quốc gia. Vì thế, Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền cần quan tâm tới công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu về số lượng, cơ cấu, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục.

3.3. Thực trạng đổi mới giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, giáo dục và đào tạo Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng:

Thứ nhất, thể chế, chính sách giáo dục và đào tạo được hoàn thiện hơn tạo hành lang pháp lý nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, đánh giá chất lượng và đổi mới giáo dục và đào tạo, có sự chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý, quản trị nhà trường theo hướng phân cấp, phân quyền và tự chủ.

Thứ hai, ban hành và tích cực triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018. Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 là sự đổi mới căn bản, toàn diện chương trình giáo dục theo hướng chuyển từ nền giáo dục mà người học thụ động tiếp thu kiến thức cơ bản sang nền giáo dục mà người học trở thành trung tâm, tự giác tiếp thu kiến thức phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Thứ ba, đổi mới công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục ngày càng thực chất, hiệu quả hơn. Việc đổi mới công tác thi, kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp đã khắc phục được những bất cập của những hạn chế trong “bệnh thành tích” của giáo dục, cũng như phản ánh, đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của người học phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Thứ tư, chất lượng giáo dục và đào tạo đại học được nâng cao, các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được khẳng định về chất lượng và vị thế trên bảng xếp hạng uy tín quốc tế về giáo dục đại học trong phạm vi khu vực và trên thế giới. Năm 2021, giáo dục đại học Việt Nam xếp thứ 5, tăng 5 bậc so với năm 2020. Năm 2022, có 5 đại diện của Việt Nam được lọt vào bảng xếp hạng THE, 5 cơ sở giáo dục đại học trong Bảng xếp hạng các trường đại học tốt nhất toàn cầu năm 2022, 11 cơ sở giáo dục đại học trong bảng xếp hạng đại học châu Á, 7 cơ sở giáo dục đại học tại bảng xếp hạng THE Impact Rankings năm 2022; năm 2023, có 5 cơ sở giáo dục đại học có tên trong bảng xếp hạng QS World University Rankings 2023” [18].

Các công trình nghiên cứu khoa học của Việt Nam tăng về số lượng và chất lượng, với số lượng bài báo quốc tế trong danh mục Web of Science (WoS) có xu hướng tăng. “Trong tháng 8/2022, website research.com đã công bố kết quả xếp hạng các nhà khoa học thế giới có thành tích xuất sắc trong công bố khoa học theo 24 lĩnh vực, Việt Nam có 10 người có tên trong bảng xếp hạng trong 6 lĩnh vực” [18]; Sản phẩm của các đề tài, dự án, chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ của các đơn vị trực thuộc Bộ đã tăng đáng kể trong các năm qua, trung bình 25%/năm [18].

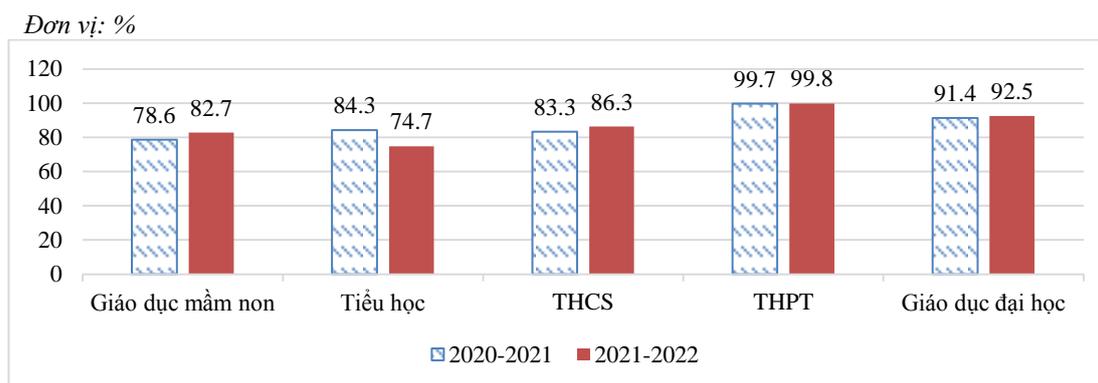
Thứ năm, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục được quan tâm, chú trọng. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng, đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục. Theo số liệu thống kê tại Bảng 1 và biểu đồ hình 1 cho thấy: Chất lượng đội ngũ GV ở Việt Nam hiện nay tăng về số lượng và chất lượng, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GV theo quy định, trình độ năng lực đáp ứng khung năng lực GV phổ thông, chuẩn nghề nghiệp giảng viên sư phạm tại các cơ sở giáo dục đại học, từng bước đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của đất nước. Đội ngũ GV có lòng yêu nghề, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Bảng 1. Số lượng đội ngũ GV giai đoạn 2020-2022

(Đơn vị: Giáo viên)

Bậc giáo dục	2020-2021		2021-2022	
	Tổng	Đạt chuẩn	Tổng	Đạt chuẩn
Giáo dục mầm non	355.290	279.173	349.700	289.149
Tiểu học	384.737	324.252	381.976	285.460
THCS	286.668	238.721	285.174	246.005
THPT	145.298	144.908	145.347	145.101
Giáo dục Đại học	76.576	70.018	78.190	72308

(Nguồn: Số liệu thống kê Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2020-2021 và 2021-2022)

**Hình 1. Tỷ lệ đội ngũ GV đạt chuẩn giai đoạn 2020-2022**

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu thống kê Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2020-2021 và 2021-2022)

Tuy nhiên, cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo trong một thập kỷ qua ở Việt Nam vẫn còn một số hạn chế, cụ thể:

Một là, thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 nổi lên một số bất cập về chương trình, nội dung sách giáo khoa. Nhiều địa phương còn thiếu giáo viên và trình độ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới cho nên còn lúng túng khi triển khai.

Hai là, về quy mô, số lượng và chất lượng GV. Hiện nay, tình trạng thừa, thiếu GV cục bộ vẫn chưa được giải quyết triệt để, cơ cấu, số lượng GV chưa đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục phổ thông: “GV cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông chưa bảo đảm cơ cấu môn học, nhất là khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới có một số môn học mới. Tình trạng thừa - thiếu cục bộ GV mầm non, phổ thông ở một số địa phương vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện cả nước thừa 10.178 GV nhưng lại thiếu 94.714 GV” [19]. Năng lực nghề nghiệp của một bộ phận GV còn hạn chế, chưa chủ động, tích cực sáng tạo trong đổi mới phương pháp giảng dạy chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng GV, chương trình giáo dục phổ thông và yêu cầu đổi mới giáo dục. Đồng thời, việc đánh giá GV còn một số bất cập; chính sách tiền lương đối với đội ngũ GV chưa tương xứng cho nên chưa tạo được động lực phấn đấu cho đội ngũ GV.

Ba là, chất lượng giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong thực tiễn. Trong quý I/2024 tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 27,8% [20, tr.1]. Tuy nhiên, trong quý I/2024 số lao động đã qua đào tạo thiếu việc làm còn cao, nhu cầu tìm việc làm của lực lượng lao động có trình độ đại học chiếm 44,1%, cao đẳng, trung cấp chiếm 17,1%.

Như vậy, mục tiêu giáo dục đào tạo, đặc biệt là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chưa gắn với yêu cầu của thực tiễn, thực trạng này dẫn đến sự lãng phí nguồn lực giáo dục và nguồn lực con người trong sự nghiệp cạnh tranh và phát triển đất nước ở Việt Nam hiện nay.

3.4. Một số giá trị tiếp cận từ nghiên cứu triết lý giáo dục Hồ Chí Minh đối với đổi mới giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay

Một là, giáo dục Việt Nam cần phải thay đổi tư duy về chiến lược, giáo dục và đào tạo là phải gắn với yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của thị trường lao động trong nước và phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự tiến bộ của khoa học và công nghệ hiện đại. Mục tiêu của giáo dục là phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ, năng lực và phẩm chất của người học; đào tạo nguồn nhân lực “vừa hồng, vừa chuyên” có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có tri thức, có năng lực tư duy ứng dụng sáng tạo tri thức trong hoạt động thực tiễn, có khả năng thích ứng cao với những biến đổi của nền kinh tế tri thức và xu hướng toàn cầu hoá, hợp tác quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu tổng kết, bổ sung, phát triển và hoàn thiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp về chương trình, nội dung sách giáo khoa, trình độ năng lực giáo viên và điều kiện cơ sở vật chất của các địa phương.

Ba là, chương trình giáo dục đại học cần tăng thời lượng giáo dục hình thành và phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, năng lực tự học cập nhật các tri thức khoa học hiện đại, nâng cao năng lực vận dụng, ứng dụng sáng tạo tri thức của người học trong hoạt động thực tiễn; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu tri thức, kỹ năng, năng lực nghề nghiệp của thị trường lao động; phát triển chương trình giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học – cao đẳng theo hiện đại, có tính mở và liên thông linh hoạt nhằm khuyến khích nhu cầu học tập nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về năng lực trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; tích cực, sáng tạo đổi mới trong thực hiện phương pháp dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng thích nghi của người học với yêu cầu của thị trường lao động.

Bốn là, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển đội ngũ trí thức, GV “chiếc máy cái” của sự nghiệp giáo dục là yêu cầu cấp bách, quyết định chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và phát triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới đất nước và xu hướng toàn cầu hoá, hợp tác quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Có chính sách thu hút, đãi ngộ đặc biệt đối với trí thức, GV có năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, xây dựng chế độ làm việc của nhà giáo, thực hiện cải cách chế độ tiền lương phù hợp, các chính sách đãi ngộ kịp thời tạo động lực cho GV trong đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập nâng cao trình độ chuyên môn và các sản phẩm nghiên cứu khoa học; nguồn lựa chọn đội ngũ GV là những SV tốt nghiệp loại giỏi trở lên, là cán bộ chuyên ngành có trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm. Đối với đội ngũ trí thức, giảng viên các trường đại học cần phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học và công nghệ nhằm gắn hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học với thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo đại học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thực hiện đào tạo GV gắn với nhu cầu thực tiễn bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng. Phương thức đào tạo GV, từ khâu tuyển sinh đến nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo cần theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp; gắn liền việc đào tạo trong các trường sư phạm với hoạt động tại các trường phổ thông và đào tạo GV phải gắn với nhu cầu của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp, phát triển năng lực, phẩm chất của GV phù hợp với yêu cầu của thực tiễn giáo dục.

Đối với GV, mỗi GV cần nâng cao nhận thức về trách nhiệm tự học tập trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức, tích cực đổi mới sáng tạo trong sử dụng các phương pháp dạy học tích cực chuyển biến quá trình dạy học thụ động, một chiều trao truyền tri thức lý thuyết sang phát triển năng lực cho người học, phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo ở người học. Phát triển năng lực giảng dạy xác định những phương pháp dạy học tích cực phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, có phương pháp đánh giá đúng năng lực của người học, phù hợp trở thành động lực cho người học.

4. Kết luận

Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh là sự tiếp nối mạch nguồn tinh hoa triết lý giáo dục trên thế giới cũng như triết lý giáo dục Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, có ý nghĩa quan trọng định hướng sự nghiệp giáo dục của Việt Nam. Nhận thức sâu sắc những giá trị quan trọng trong triết lý giáo dục Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta không ngừng nghiên cứu, vận dụng sáng tạo triết lý giáo dục Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện, phát triển giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề lý luận về triết lý giáo dục Hồ Chí Minh, nghiên cứu khái quát thực trạng đổi mới giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay, bài viết đã nghiên cứu, phân tích và làm sáng tỏ một số giá trị từ nghiên cứu triết lý giáo dục Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay, nhằm hướng tới xây dựng một nền giáo dục Việt Nam mang tính dân tộc, khoa học và hiện đại đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và trở thành động lực quan trọng thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước, tự hào “sánh vai với các cường quốc năm châu”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. T. Thai, *Vietnamese educational philosophy*. Publishing House Hanoi Pedagogical University, 2007.
- [2] M. H. Pham, *Philosophy of education in the world and Vietnam*. Publishing House National politics, 2011.
- [3] T. H. Dang, "Educational philosophy in the period of industrialization, modernization and international integration," *Journal of Education*, no. 232, pp. 1- 4, February 2010.
- [4] Q. B. Nguyen, "World and Vietnamese philosophy of education," *Vietnam Journal of Education*, no. 280, pp. 1-11, February 02, 2012.
- [5] M. H. Pham, "Some thoughts on philosophy and innovation in educational thinking in the reform period," *Journal of Educational Sciences*, no. 66, pp. 9-12, March 2011.
- [6] V. T. Le and T. M. H. Nguyen, "Educational philosophy of Karl Jaspers," *Ho Chi Minh City Open University Journal of Sciences*, vol. 1, no. 46, pp. 96-102, 2016.
- [7] N. M. Thuyet and H. T. H. Binh, "Educational philosophy and the issue of fundamental and comprehensive innovation in Vietnamese education," *Proceedings of the National Scientific Conference on Education and Training Innovation for the Goal of Sustainable Development*. Publishing House Office of the National Council for Education and Human Resource Development, 2020, pp. 152-162.
- [8] H. Vu, "Persistently implementing Vietnamese educational philosophy according to Ho Chi Minh's ideology," 2013. [Online]. Available: <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/24571 /kien-tri-thuc-hien-triet-ly-phan-trien-giao-duc-viet-nam-theo-tu-tuong-ho-chi-minh.aspx>. [Accessed May 20, 2024].
- [9] T. L. Nguyen, "Ho Chi Minh's philosophy of educational development," *Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education*, no. 59, pp. 159-164, 2014.
- [10] X. T. Nguyen, "Ho Chi Minh's educational philosophy," *Journal of Vietnam Social Sciences*, vol. 2, no. 99, pp. 71-75, 2016.
- [11] Institute of Linguistics, *Vietnamese Dictionary*. Publishing House Danang, 2003.
- [12] S. Q. Ho, "Some thoughts on Philosophy and Philosophy," *Journal of Philosophy*, no. 3, p. 57, 1998.
- [13] Ho Chi Minh, *Complete volume*, vol. 4. National Political Publishing House, 2000.
- [14] Ho Chi Minh, *Complete volume*, vol. 8. National Political Publishing House, 2000.
- [15] Ho Chi Minh, *Complete volume*, vol. 11. National Political Publishing House, 2000.
- [16] Ho Chi Minh, *Complete volume*, vol. 10. National Political Publishing House, 2000.
- [17] Ho Chi Minh, *Complete volume*, vol. 14. National Political Publishing House, 2000.
- [18] B. Hai, "Outstanding results in implementing fundamental and comprehensive innovation in Education and Training," 2022. [Online]. Available: <https://giaoducthudo.giaoducthoidai.vn/nhung-ket-qua-noi-bat-thuc-hien-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-dao-tao-16122.html>. [Accessed May 20, 2024].
- [19] S. Giang, "Improving the quality of teachers to meet innovation requirements," 2021. [Online]. Available: <https://nhandan.vn/nang-cao-chat-luong-doi-ngu-nha-giao-dap-ung-yeu-cau-doi-moi-post-674749.html>. [Accessed May 20, 2024].
- [20] General Statistics Office, *Vietnam labor market news for the first quarter of 2024*, 2024.